

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu,
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Nh, sinh năm 1982;

Cư trú: Số 46 đường T, khóm K3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1980;

Cư trú: Số 46 đường T, khóm K3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà Nh có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Dương Thị Nh trình bày:

Bà Dương Thị Nh và ông Bùi Văn T tự nguyện quen biết, tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung trong gia đình, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Nh yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nh xác định quá trình chung sống bà và ông T có 02 (hai) con chung là cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 và cháu Bùi Ngọc Trúc Q, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016. Hiện nay cháu Quốc D và cháu Trúc Q do bà Nh nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn bà Nh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Văn T: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa,

- Bà Nh có mặt và trình bày ý kiến: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong nhiều vấn đề, ông T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và gia đình của bà. Từ hơn 02 năm nay, về kinh tế bà Nh độc lập với ông T, bà Nh là người lo cho sinh hoạt phí của gia đình; bà và ông T cũng không còn có quan hệ vợ chồng. Đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông T vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thị Nh và ông Bùi Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn; bà Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông T là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nh và ông T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 231 ngày 12 tháng 12 năm 2005. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà Nh kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng bà và ông T bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông T không tôn trọng bà, thường xuyên xúc phạm bà. Về phía ông T, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông T không có nguyện vọng đoàn tụ. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà Nh và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: bà Nh xác định bà và ông T có hai con chung là cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 và cháu Bùi Ngọc Trúc Q, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016. Bà Nh yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: ông T không cung cấp ý kiến về vấn đề này; hiện nay cháu Quốc D và cháu Trúc Q đều do bà Nh trực tiếp chăm sóc và các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Nh nếu cha mẹ không còn chung sống. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: bà Dương Thị Nh phải chịu tiền án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Dương Thị Nh được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung:

Bà Dương Thị Nh và ông Bùi Văn T có 02 (hai) con chung là cháu Bùi Quốc D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 và cháu Bùi Ngọc Trúc Q, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2016.

Bà Dương Thị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Bùi Quốc D và cháu Bùi Ngọc Trúc Q. Bà Dương Thị Nh và thành viên gia đình không được cản trở ông Bùi Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quốc D và cháu Bùi Ngọc Trúc Q.

Ông Bùi Văn T không phải cấp dưỡng cho cháu Bùi Quốc D và cháu Bùi Ngọc Trúc Q.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Dương Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001095 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND tt. A, h. C, t. An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Hậu

Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Thùy Giang